

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho kỳ kế toán từ 01/07/2025 đến 30/09/2025



Hà Nội, Tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2025	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06-07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-26

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025.

Khái quát

Công ty Cổ phần VINAM tiền thân là Công ty CP Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 20 ngày 28/09/2023 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động bảo vệ môi trường; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn thực phẩm đồ uống và đồ dùng gia đình; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông; Bán buôn vải, hàng may mặc; Hoạt động của các phòng khám Đa khoa, chuyên khoa và nha khoa; Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng, sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện...

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng, và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Takishita Akira	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/06/2022
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Ông Đặng Việt Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022

Các thành viên của Ban Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau

Ông Đặng Việt Thắng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/9/2023
Ông Lê Văn Mạnh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/9/2023

Kế toán trưởng của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là:

Ông: Phạm Xuân Lãng	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 14/08/2025
Bà: Bùi Thị Trang	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 14/08/2025

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Ngô Thị Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Trần Thị Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty tại thời điểm 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025.

Cam kết khác

Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Giám đốc



Lê Văn Mạnh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.376.442.182	28.685.220.073
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.187.602.929	266.181.409
1. Tiền	111		1.187.602.929	266.181.409
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2		39.713
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	35.799.713	35.799.713
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-35.799.713	-35.760.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.676.383.304	21.677.283.779
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	13.366.825.000	17.917.769.500
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	40.500.000	1.380.750.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	180.998.304	2.378.764.279
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-3.911.940.000	
8. Tài sản thiếu chờ xử lý				
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	13.749.263.788	6.006.879.923
1. Hàng tồn kho	141		13.749.263.788	6.006.879.923
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		763.192.161	734.835.249
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		763.192.161	734.835.249
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		361.514.134.280	355.706.617.572
II. Tài sản cố định	220		577.499.997	769.999.998
1. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	577.499.997	769.999.998
- Nguyên giá	228		1.540.000.000	1.540.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-962.500.003	-770.000.002
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			9.064.010.161
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8		9.064.010.161
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	360.936.634.283	345.872.607.413
1. Đầu tư vào công ty con	251		157.408.000.000	157.408.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		203.711.000.000	190.595.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.000.000.000	1.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2454		-1.182.365.717	-3.130.392.587
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		386.890.576.462	384.391.837.645

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
NGUỒN VỐN				
C . NỢ PHẢI TRẢ	300		13.593.273.339	9.541.845.430
I. Nợ ngắn hạn	310		13.593.273.339	9.541.845.430
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	8.578.413.924	1.417.500.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		699.250.000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	204.680.890	3.481.980
4. Phải trả người lao động	314		472.669.046	226.174.641
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		54.979.451	85.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	678.187.072	7.764.595.853
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		2.860.000.000	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.092.956	45.092.956
D . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		373.297.303.123	374.849.992.215
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	373.297.303.123	374.849.992.215
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		296.999.910.000	296.999.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		296.999.910.000	296.999.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.918.962.963	18.918.962.963
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		195.900.595	195.900.595
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.182.529.565	58.735.218.657
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		58.735.218.657	42.068.595.559
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-1.552.689.092	16.666.623.098
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		386.890.576.462	384.391.837.645

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng



Bùi Thị Trang

Giám đốc



Lê Văn Mạnh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

Chỉ Tiêu		Mã số	Thuyết minh	Quý III/2025	Quý III/2024	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		01	VL1		2.770.000.000	17.576.639.000	30.425.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	VL2				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)		10		-	2.770.000.000	17.576.639.000	30.425.000.000
4. Giá vốn hàng bán		11	VL3		2.720.833.333	15.719.180.000	28.591.666.666
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)		20		-	49.166.667	1.857.459.000	1.833.333.334
6. Doanh thu hoạt động tài chính		21	VL4	327.036.508	79.474	327.064.740	16.294.698.379
7. Chi phí tài chính		22	VL5	537.980.029	124.014.400	2.154.851.143	1.850.185.086
Trong đó lãi vay phải trả		23		49.906.849	124.014.400	49.906.849	1.850.185.086
8. Chi phí bán hàng		25	VL8	108.000.000	0	108.000.000	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		26	VL9	294.191.716	410.165.910	1.237.705.394	1.117.148.799
10. Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh (30=20+(21-22)-24-25)		30		(613.135.237)	(484.934.169)	(1.316.032.797)	15.160.697.828
11. Thu nhập khác		31	VL6		0	0	

Đơn vị tính: VND

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025

Đơn vị tính: VND						
Chỉ Tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2025	Quý III/2024	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024
12. Chi phí khác	32	VI.7	156.668.272	8.701.559	157.253.609	23.660.477
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(156.668.272)	(8.701.559)	(157.253.609)	(23.660.477)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		(769.803.509)	(493.635.728)	(1.473.286.406)	15.137.037.351
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	VI.10			79.402.686	5.301.431
16. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52		-		-	
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		(769.803.509)	(493.635.728)	(1.552.689.092)	15.131.735.920
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.11	-26	-17	-52	509

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng

Bùi Thị Trang

Giám đốc



Lê Văn Mạnh

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	22.444.648.240	42.741.085.546
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	-6.796.985.720	-57.489.724.091
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	-650.138.746	-834.274.807
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-173.229.862	-2.131.303.562
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.892.416.666	190.179.268.213
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-724.479.081	-11.330.125.504
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.992.231.497	161.134.925.795
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-2.600.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-13.116.000.000	-196.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		42.400.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.196.790.023	14.574.250.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-10.921.809.977	-139.025.750.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.860.000.000	15.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-7.009.000.000	-37.810.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-4.149.000.000	-22.810.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	921.421.520	-700.824.205
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	266.181.409	945.102.323
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.187.602.929	244.278.118

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng

Bùi Thị Trang

Giám đốc



Lê Văn Mạnh

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập tại Việt Nam, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 2 năm 2007, và các lần sửa đổi sau đó với Giấy đăng ký kinh doanh mới nhất sửa đổi lần thứ 20 số 0102174005 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội ngày 28 tháng 09 năm 2023 về việc thay đổi địa chỉ kinh doanh của công ty.

- Vốn điều lệ đăng ký mới nhất của Công ty là 296.999.910.000 đồng, được chia làm 29.699.991 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Lĩnh vực kinh doanh: Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động bảo vệ môi trường; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn thực phẩm đồ uống và đồ dùng gia đình; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông; Bán buôn vải, hàng may mặc; Hoạt động của các phòng khám Đa khoa, chuyên khoa và nha khoa; Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng; Sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện.....

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Tại 30 tháng 09 năm 2025, Công ty có 03 Công ty con là:

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM
 Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Cấu trúc Công ty
 Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con trực tiếp được hợp nhất: 03

Danh sách các Công ty sở hữu trực tiếp tại ngày 30/09/2025

Tên Công ty	Vốn thực góp tại 30/09/2025	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo (1)	49.940.000.000	99,98%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.
- Công ty TNHH Vinam Sài Gòn (2)	38.868.000.000	81,20%	Bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), Khí thiên nhiên (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), xăng, dầu lửa, dầu DO, dầu FO và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở).
Công ty CP Công nghệ cao G7 (3)	68.600.000.000	98,00%	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu.

Danh sách các Công ty góp vốn liên doanh liên kết tại ngày 30/09/2025

Tên Công ty	Vốn thực góp tại 30/09/2025	Tỷ lệ Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM BA ĐÌNH (1)	14.700.000.000	49,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM NGHE AN (2)	14.700.000.000	49,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB PHÁP VÂN (3)	10.500.000.000	35,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CỔ PHẦN FAMICARE PHÁP VÂN (4)	10.500.000.000	35,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HUNG YÊN (5)	10.500.000.000	5,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HẢI DƯƠNG (6)	10.500.000.000	35,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CỔ PHẦN FAMICARE HUNG YÊN (7)	3.500.000.000	11,70%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .

Tên Công ty	Vốn thực góp tại 30/09/2025	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUANG BÌNH (8)	10.500.000.000	35,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TRÁ VINH (9)	10.500.000.000	35,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB VĨNH LONG (10)	10.500.000.000	35,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB AN GIANG (11)	10.500.000.000	35,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TIỀN GIANG (12)	10.500.000.000	35,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP FAMICARE QUẢNG BÌNH (13)	3.500.000.000	11,70%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
CÔNG TY CP FAMICARE HẢI DƯƠNG (14)	3.500.000.000	11,70%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TUYẾN QUANG (15)	10.500.000.000	35,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB GIA LAI (16)	10.500.000.000	35,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP FAMICARE ĐỒNG NAI (17)	3.500.000.000	35,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẮC NINH (18)	10.500.000.000	35,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HẢI PHÒNG (19)	10.500.000.000	35,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẬN 5 (20)	10.500.000.000	35,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BÌNH DƯƠNG (21)	2.900.000.000	9,70%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẮC GIANG (22)	4.411.000.000	14,70%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB THANH HÓA (23)	6.000.000.000	20,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
Cộng	203.711.000.000		
Danh sách các Công ty đầu tư khác tại ngày 30/09/2025			
CÔNG TY CP FAMICARE HẢI PHÒNG (01)	1.000.000.000	10,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .

11/11 10.00 10.11

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ sử dụng trong kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán

- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại thời điểm cuối kỳ kế toán các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh : Là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và xác định được giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, và thu tiền

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán doanh nghiệp Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

16. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động

Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2025	01/01/2025
Tiền mặt	1.152.547.637	80.520.255
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.055.292	185.661.154
Tổng cộng	1.187.602.929	266.181.409

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuật minh nêu là hỗ nhận hơn thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

1. Chứng khoán kinh doanh

Tỷ lệ (%)	30/09/2025			01/10/2025		
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ (%)	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
	35.799.713		(35.799.713)		35.799.713	(35.799.713)
	35.799.713	(*)	(35.799.713)		35.799.713	(*)

Chimera không kinh doanh

Các khoản đầu tư khác (30.000CP BGM)

2. Đầu tư tái chính dài hạn

30/09/2025		01/01/2025	
Tỷ lệ (%)	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
99,98%	49.940.000.000		
		49.940.000.000	
81,2%	38.868.000.000		
		38.868.000.000	
98,00%	68.600.000.000		
		68.600.000.000	
	157.408.000.000		
			157.408.000.000

1 Công ty CP Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hà Long
Tokyo

2. Công ty TNHH Vinam Sài Gòn

3. Công ty CP Công Nghệ Cao G7

Công

2 Điện tư tài chính dài hạn: Công ty tiến doanh, liên kết

STT	Mô tả chi tiết	30/09/2025		01/01/2025	
		Tỷ lệ (%)	Giá trị gốc	Tỷ lệ (%)	Giá trị gốc
	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM BA ĐÌNH (1)	49,00%	14.700.000.000		14.700.000.000
	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM NGHỆ AN (2)	49,00%	14.700.000.000		14.700.000.000
	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB PHÁP VÂN (3)	35,00%	10.500.000.000		10.500.000.000
	CÔNG TY CỔ PHẦN FAMICARE PHÁP VÂN (4)	35,00%	10.500.000.000		10.500.000.000
	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HUNG YÊN (5)	35,00%	10.500.000.000		10.500.000.000
	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HẢI DƯƠNG (6)	35,00%	10.500.000.000		10.500.000.000
	CÔNG TY CỔ PHẦN FAMICARE HUNG YÊN (7)	11,70%	3.500.000.000		3.500.000.000
	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẢNG BÌNH (8)	35,00%	10.500.000.000		10.500.000.000
	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TRÀ VINH (9)	35,00%	10.500.000.000		10.500.000.000
	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB VINH LONG (10)	35,00%	10.500.000.000		10.500.000.000
	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB AN GIANG (11)	35,00%	10.500.000.000		10.500.000.000
	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TIỀN GIANG (12)	35,00%	10.500.000.000		10.500.000.000
	CÔNG TY CP FAMICARE QUẢNG BÌNH (13)	11,70%	3.500.000.000		3.500.000.000
	CÔNG TY CP FAMICARE HẢI DƯƠNG (14)	11,70%	3.500.000.000		3.500.000.000
	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TUYẾN QUANG (15)	35,00%	10.500.000.000		10.500.000.000
	CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB GIA LAI (16)	35,00%	10.500.000.000		10.500.000.000
	CÔNG TY CP FAMICARE ĐỒNG NAI (17)	35,00%	3.500.000.000		3.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM
Tầng 1, Lô BTS - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Liêm, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẮC NINH (18)	35,00%	10.500.000.000	10.500.000.000
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HẢI PHÒNG (19)	35,00%	10.500.000.000	10.500.000.000
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẬN 5 (20)	35,00%	10.500.000.000	10.500.000.000
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BÌNH DƯƠNG (21)	9,70%	2.900.000.000	2.900.000.000
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẮC GIANG (22)	14,70%	4.411.000.000	4.411.000.000
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB THANH HÓA (23)	20,00%	6.000.000.000	6.000.000.000
Danh sách các Công ty đầu tư công ty liên kết tại ngày 30/09/2025		203.711.000.000	203.711.000.000
Cộng			
Danh sách các Công ty đầu tư khác tại ngày 30/09/2025			
CÔNG TY CP FAMICARE HẢI PHÒNG (01)	10,00%	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng		1.000.000.000	1.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**(Tiếp theo)***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo**Đơn vị tính: VND*

3 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	30/09/2025	01/01/2025
- Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Hà Tĩnh		940.000.000
- Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Hưng Yên		40.000.000
- Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Pháp Vân		31.200.000
- Công ty CP Công nghệ cao y tế và môi trường Lạng sơn Tokyo		3.266.769.500
- Công ty CP phòng khám Medicare Ninh Bình		600.000.000
- KYOTO F&B Co., LTD	13.039.800.000	13.039.800.000
- Các đối tượng khác		
Tổng cộng	13.039.800.000	17.917.769.500
4 Trả trước cho người bán	30/09/2025	01/01/2025
- Công ty Cổ Phần Sara Việt Nam		1.380.750.000
- Các đối tượng khác	40.500.000	
Tổng cộng	40.500.000	1.380.750.000
5 PHẢI THU KHÁC	30/09/2025	01/01/2025
Tài sản ngắn hạn khác		
- Tạm ứng cho nhân viên		
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược		
- Thuế GTGT được khấu trừ		
- Phải thu khác	180.998.304	2.378.764.279
Tổng cộng	180.998.304	2.378.764.279
6. HÀNG TỒN KHO	30/09/2025	01/01/2025
	Giá gốc	Giá gốc
- Hàng hóa	13.749.263.788	6.006.879.923
Tổng cộng	13.749.263.788	6.006.879.923
7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH	30/09/2025	01/01/2025
Nguyên giá	1.540.000.000	1.540.000.000
Trích khấu hao	(962.500.003)	(770.000.002)
Giá trị còn lại	577.499.997	769.999.998
8. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN	30/09/2025	01/01/2025
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	9.064.010.161
Tổng cộng	-	9.064.010.161

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Đơn vị tính: VND

9 PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi tiết số dư như sau:				
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ			1.417.500.000	1.417.500.000
CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN KẾT SẢN XUẤT VIỆT NAM NHẬT BẢN	8.072.500.000	8.072.500.000		
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ CAO HẠ LONG OSAKA	448.140.000	448.140.000		
- Các đối tượng phải trả khác	57.773.924	57.773.924		
Tổng cộng	8.578.413.924	8.578.413.924	1.417.500.000	1.417.500.000

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ 01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ 30/06/2025
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	122.051.320	79.402.686		201.454.006
Thuế Thu nhập cá nhân	3.481.980	15.564.844	15.819.940	3.226.884
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		4.000.000	4.000.000	-
Tổng cộng	125.533.300	98.967.530	19.819.940	204.680.890

11 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2025	01/01/2023
- Bảo hiểm xã hội	11.277.100	444.700
- Bảo hiểm y tế	1.235.575	
- Bảo hiểm thất nghiệp	655.873	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.234.802	7.121.367.431
Phải trả Công ty TNHH Nghiên Cứu Ứng Dụng Công Nghệ Y Học	238.885.246	238.885.246
Phải trả Công ty TNHH Vinam Vững Ang	403.898.476	403.898.476
Tổng cộng	678.187.072	7.764.595.853

12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

	30/09/2025	01/01/2025
- Vốn góp của các cổ đông	296.999.910.000	296.999.910.000
Tổng cộng	296.999.910.000	296.999.910.000

Cổ phiếu

	30/09/2025	01/01/2025
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.699.991	29.699.991
+ Cổ phiếu phổ thông	29.699.991	29.699.991
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.699.991	29.699.991
+ Cổ phiếu phổ thông	29.699.991	29.699.991
e. Các quỹ của doanh nghiệp		
- Quỹ đầu tư phát triển	195.900.595	195.900.595
Tổng cộng	195.900.595	195.900.595

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai,
Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Đơn vị tính: VND

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	-	2.770.000.000
Tổng cộng		2.770.000.000

2 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

3 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	-	2.720.833.333
Tổng cộng		2.720.833.333

4 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	327.036.508	79.474
- Lãi bán các khoản đầu tư		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Tổng cộng	327.036.508	79.474

5 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
- Lãi tiền vay	5.072.602	124.014.400
- Dự phòng / hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	532.907.427	
Tổng cộng	537.980.029	

6 THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
- Thu nhập khác		
Tổng cộng		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7 CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
- Chi phí khác	156.668.272	8.701.559
Tổng cộng	156.668.272	8.701.559

8 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
Chi phí bán hàng	108.000.000	
Tổng cộng	108.000.000	

9 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
- Chi phí nhân viên quản lý	224.947.649	258.433.005
- Chi phí vật liệu quản lý		
- Chi phí khấu hao TSCĐ		64.166.667
- Chi phí đồ dùng văn phòng, khác		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.244.067	45.612.574
- Thuế, phí, lệ phí, khác		
Tổng cộng	294.191.716	368.212.246

10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		5.301.431
Tổng cộng		5.301.431

11 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	(769.803.509)	(493.635.728)

Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế

CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ

29.699.991

29.699.991

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(26)

(17)

12 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Trong kỳ không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

13 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024 do công ty tự lập và các số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ này là số liệu trên Báo cáo Quý II năm 2025 do Công ty tự lập.

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng

Bùi Thị Trang



Giám đốc

Lê Văn Mạnh

